**BÁO CÁO**
Tình hình điều tiết nước phục vụ sản xuất
(từ ngày 24/01/2026 đến 30/01/2026)

## I. TÌNH HÌNH XUỐNG GIỐNG VỤ ĐÔNG XUÂN 2025-2026

Đến ngày 06/02/2025 tổng diện tích xuống giống vụ Đông xuân là **14.367,89 ha**, cụ thể:

**1. Khu vực Củ Chi : 7.885,21 ha**

- Hệ thống CTTL Kênh Đông Củ Chi : 6.778,07 ha;
- Hệ thống CTTL An Phú – Phú Mỹ Hưng : 56,14 ha ;
- Đê bao VSSG đoạn từ rạch Thai thai đến cầu BS : 22,46 ha ;
- Đê bao VSSG từ rạch Sơn đến rạch Cầu Đen : 14,22 ha;
- Hệ thống thủy lợi VSSG từ rạch Láng The đến sông Lu : 333,64 ha ;
- Hệ thống thủy lợi xã Tân Thạnh Đông : 650,69 ha .

**2. Khu vực HM-BBC (XNHM-BC) : 2.994,27 ha**

- Hệ thống CTTL Hóc Môn – Bắc Bình Chánh : 2.495,47 ha;
- Công trình Nạo vét, cải tạo rạch Cầu Sa : 498,8ha.

**3. Khu vực Quận 12- HM (XN-NRT) : 1.058,11 ha**

- TTL bờ hữu VSSG huyện Củ Chi từ TL8 đến rạch Tra (BRT) : 432,42 ha;
- CTTL bờ hữu VSSG từ sông Vàm Thuật đến rạch Tra (NRT) : 480,15 ha;
- Cống ngăn triều rạch Ông Đụng : 51,57 ha;
- Hệ thống thủy lợi Cây Xanh – Bà Bếp : 93,97 ha.

**4. Khu vực Thủ Đức (XNTĐ) : 2.460,3 ha**

- Công trình tiêu thoát nước Suối Nhum : 541,0 ha;
- Công trình 05 cống ngăn triều : 1.919,3 ha.

*(Chi tiết diện tích cơ cấu cây trồng từng công trình – Xem bảng đính kèm)*

**II. TÌNH HÌNH THU HOẠCH VỤ ĐÔNG XUÂN 2025-2026:** Đến ngày 06/02/2026 trên địa bàn hệ thống CTTL Kênh Đông Củ Chi đã thu hoạch: 3,13 ha lúa.

## III.TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN, CẤP NƯỚC:

**1. Lượng nước sử dụng**:

**a.** Lượng nước trong tuần qua CĐT K34 và CĐK N25 từ ngày 31/01/2026 đến ngày 06/02/2026**:** 8.295.129 $m^3$, cụ thể:

| Ngày | K34 | | | | | N25 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | MNTL | MNHL | A | Q($m^3$/s) | W($m^3$) | Q($m^3$/s) | W($m^3$) |
| 31/01/2026 | 13,77 | 13,40 | 0,90 | 11,39 | 983.818 | 2,93 | 253.433 |
| 01/02/2026 | 13,76 | 13,45 | 0,90 | 10,42 | 900.523 | 3,86 | 333.660 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 02/02/2026 | 13,61 | 13,30 | 0,90 | 10,42 | 900.523 | 2,83 | 244.839 |
| 03/02/2026 | 13,63 | 13,31 | 0,90 | 10,59 | 914.932 | 2,83 | 244.839 |
| 04/02/2026 | 13,68 | 13,37 | 0,90 | 10,42 | 900.523 | 2,83 | 244.839 |
| 05/02/2026 | 13,70 | 13,38 | 0,90 | 10,59 | 914.932 | 2,93 | 253.433 |
| 06/02/2026 | 13,76 | 13,42 | 0,90 | 10,92 | 943.091 | 3,03 | 261.744 |
| **Tổng cộng** | | | | | **6.458.342** | | **1.836.787** |

**b.** Lượng nước sử dụng từ ngày 01/01/2026 đến 06/02/2026 là **75,05** triệu $m^3$, bằng 104,50% so cùng kỳ và bằng 21,20% so kế hoạch năm (trong đó K34+644: 75,05 triệu $m^3$, K0 – N25: 8,30 triệu $m^3$).

**c.** Tình hình điều tiết nước: Tăng cường kiểm tra, phối hợp điều tiết vận hành công trình đảm bảo cấp đủ nước phục vụ sản xuất và cấp nước thô cho các nhà máy nước kênh Đông, khu Công nghiệp Tây Bắc Củ Chi.

**2.Chất lượng nguồn nước kênh Đông**: Độ đục dao động từ (19,7÷28,1) NTU và pH dao động từ (6,72÷7,09).

**3.Mực nước Hồ Dầu Tiếng**: Dao động từ (22,63÷22,79)m

| | **Mực nước năm 2026(m)** | **Mực nước năm 2025 (m)** |
|---|---|---|
| 31/01/2026 | 22,79 | 23,06 |
| 01/02/2026 | 22,77 | 23,04 |
| 02/02/2026 | 22,75 | 23,02 |
| 03/02/2026 | 22,72 | 23,00 |
| 04/02/2026 | 22,69 | 22,98 |
| 05/02/2026 | 22,66 | 22,95 |
| 06/02/2026 | 22,63 | 22,90 |

**4. Diễn biến mực nước triều, chất lượng nước trong tuần**:

- **Mực nước Max trong tuần**:
  + Cống Gò Dưa : + 1,59 m
  + Cống Ba Thôn : + 1,55 m
  + RT12 (bắc Rạch Tra) : + 1,50 m
  + Cống kênh C : + 1,57 m
  + Cống An Hạ : + 1,30 m
- **Chất lượng nước**:

| **STT** | **Vị trí** | **Độ pH** | | **Độ mặn (2026)** Ngày 05/02/2026 | | **Độ mặn (2025)** Ngày 07/02/2025 | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | **PS** | **PĐ** | **PS** | **PĐ** | **PS** | **PĐ** |
| 1 | Cống Tân Kiên | 6,8 | 6,8 | 2,9 | 1,0 | 3,9 | 1,3 |
| 2 | Cống kênh C | 6,9 | 6,9 | 2,6 | 0,8 | 3,3 | 0,9 |

| | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Cống kênh B | 6,7 | 6,9 | 2,4 | 0,7 | 2,9 | 0,7 |
| 4 | Cống kênh A | 6,8 | 6,7 | 2,0 | 0,6 | 2,5 | 0,6 |
| 5 | Ngã ba Lý Mạnh | 6,5 | | 1,8 | | 2,2 | |
| 6 | CCK Ranh Long An | 6,7 | | 0,4 | | 0,6 | |
| 7 | Cống An Hạ | 6,2 | | 0,2 | | 0,5 | |
| 8 | Cống T10 | 6,5 | | 0,2 | | 0,2 | |

**IV.TÌNH HÌNH VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH**:

− Tổ chức trực và vận hành công trình đảm bảo an toàn; trữ nước phục vụ sản xuất, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp và ngăn triều cường;

− Khu vực 5 cống ngăn triều Thủ Đức (Cũ): Vận hành đảm bảo an toàn công trình, phục vụ tốt sản xuất và dân sinh trên khu vực;

− Tình hình vận hành cống Ba Thôn, Đá Hàn: Vận hành công trình đúng quy trình, kiểm tra đảm bảo an toàn công trình, ngăn triều, tiêu thoát nước tốt phục vụ sản xuất.